TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **140**/2023/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 18 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/8/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu H**. Sinh ngày: 12/11/1975; HKTT tại: Phường K, quận N, Tp Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn K**. Sinh ngày: 16/3/1977; HKTT: Số 42B Lâm H, phường P, quận S, Tp Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33, 55, 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Trần Thị Thu H** và ông **Nguyễn K** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn K nên Giấy chứng nhận kết hôn số: 56 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/12/2021 không còn giá trị pháp lý).*

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn K thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn K xác định không có.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn K xác định có tài sản chung sau:

+ Nhà đất tại thửa đất số 136 tờ bản đồ số 3 địa chỉ: số 72/47 N, phường M, quận N, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản khác gắn liền với đất số 405584 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ cấp ngày 15/5/2023 đứng tên Nguyễn K, Trần Thị Thu H

+ 01 xe ô tô hiệu Hyundai, số loại Tucson, biển số: 43A 752.34 do Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/4/2023 đứng tên Nguyễn K.

3.1. Bà H, ông K thống nhất giá trị nhà và đất là 3.500.000.000 đồng và giá trị xe ô tô là 700.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung là: 4.200.000.000 đồng (Bốn tỷ hai trăm triệu đồng)

3.2. Các bên thống nhất chia giá trị tài sản chung theo tỷ lệ 6/4.

+ Bà H nhận 6 phần tương ứng với giá trị: 2.520.000.000 đồng.

+ Ông K nhận 4 phần tương ứng với giá trị: 1.680.000.000 đồng.

3.3. Giao toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 136 tờ bản đồ số 3, địa chỉ: số 72/47 N, phường M, quận N, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản khác gắn liền với đất số 405584 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Đ cấp ngày 15/5/2023 đứng tên Nguyễn K, Trần Thị Thu H và phần cải tạo nhà ở mở rộng diện tích xây dựng tầng 2 và tầng 3 theo Giấy phép cải tạo nhà ở số: 760/GPCT ngày 02/6/2023 do UBND quận N cấp cho ông Nguyễn K và bà Trần Thị Thu H cho bà Trần Thị Thu H quản lý, sử dụng, định đoạt.

Nhà đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp nhà dân;

+ Phía Tây giáp đường kiệt K72 N;

+ Phía Nam giáp nhà số K72/49 N;

+ Phía Bắc giáp nhà số K72/45 N;

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 30/8/2023)

3.4. Giao 01 xe ô tô hiệu Hyundai, số loại Tucson, biển số: 43A 752.34, màu sơn: Đỏ, số chỗ ngồi: 05, số khung: RLUJE81BHPN010011, số máy: G4FPNU350499 do Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/4/2023 đứng tên Nguyễn K cho bà Trần Thị Thu H quản lý, sử dụng, định đoạt.

3.5. Bà Trần Thị Thu H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và xe ô tô theo quy định của pháp luật.

3.6. Bà Trần Thị Thu H có trách nhiệm thối trả cho ông Nguyễn K số tiền tương ứng với 4 phần là: 1.680.000.000 đồng.

Thời gian và phương thức giao tiền: Trả 1 lần vào ngày 08/9/2023. (Các bên đã thực hiện xong việc giao nhận tiền. Ông Nguyễn K đã nhận đủ số tiền 1.680.000.000 đồng).

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn K xác định không có.

5. Về án phí :

5.1. Án phí HNGĐ sơ thẩm: 150.000 đồng bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn K mỗi người phải chịu 75.000 đồng nhưng bà Trần Thị Thu H tự nguyện chịu 150.000 đồng.

5.2. Án phí chia tài sản chung:

+ Án phí chia tài sản chung bà Trần Thị Thu H phải chịu 41.200.000 đồng

Tổng số tiền án phí bà Hà phải chịu là 41.350.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 37.100.000 đồng bà Trần Thị Thu H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng theo biên lai số 0003962 ngày 04/8/2023. Bà Hà còn phải tiếp tục nộp số tiền 4.250.000 đồng.

+ Án phí chia tài sản chung ông Nguyễn K phải chịu 31.200.000 đồng.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điêu 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND P.T, Q. T, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Dương Thị Kim Nhung